

Số: 33 /BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN KỶ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ**

Tên tổ chức	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ
Trụ sở chính	: Số 8, phố Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Điện thoại	: (84.24) 38 310 348 Fax: (84.24) 38 355 526
Giấy ĐKKD số	: 0100283802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/04/2005; thay đổi lần thứ 25 ngày 10/07/2020
Thời gian & hình thức tổ chức	: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu điện tử qua hệ thống của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) bắt đầu từ 8:00 ngày 16/04/2021 đến 17:00 ngày 22/04/2021
Thời gian và địa điểm phiên thảo luận trực tuyến	: Từ 8:30 – 10:30, ngày 24/04/2021 tại 2 đầu cầu: - Hà Nội: Hội trường tầng 7, Tòa nhà Hà Đô, 186 Hoàng Sâm, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội. - Hồ Chí Minh: Phòng hội nghị CTCP Hà Đô - 756 Sài Gòn, Phòng 504, Tầng 5, số 02 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

A. PHẦN THỨ NHẤT - THỬ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

I. Báo cáo tình hình cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử

1. Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là: 154.275.018 cổ phần.

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 154.275.018 cổ phần.

2. Tổng số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử là 53 cổ đông, đại diện 101.122.203 cổ phần, tương đương với 65,55% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô có đủ điều kiện tiến hành.

II. Chủ tọa đại hội, Thư ký Đại hội

Chủ tọa đại hội: Ông Nguyễn Trọng Thông - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thư ký Đại hội: Ông Hoàng Văn Bính

B. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung biểu quyết theo các báo cáo, tờ trình sau:

- 1) Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- 2) Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

- 3) Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021 của HĐQT gồm:
- Tổng mức thù lao, chi phí chi trả cho Hội đồng quản trị đã chi trong năm 2020 và mức thù lao dự kiến cho Hội đồng quản trị năm 2021;
 - Nội dung lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
 - Nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng;
 - Niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc niêm yết trái phiếu ra công chúng phát hành (nếu có) giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022;
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị nội dung quyết định việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đơn vị thành viên của Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, những người quản lý khác của Công ty giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022;
- 4) Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thành lập Công ty Năng lượng Hà Đô và tái cấu trúc mảng năng lượng.
- 5) Tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021 của HĐQT về việc thông qua việc điều chỉnh bổ sung nội dung phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền năm 2019.
- 6) Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 08/04/2021 của HĐQT gồm:
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Phương án phân bổ lợi nhuận năm 2020 và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020;
 - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021.

C. PHẦN THỨ BA - THẢO LUẬN:

Phiên thảo luận được kết nối trực tuyến tại 2 đầu cầu Hà Nội, Hồ Chí Minh từ 8:30 – 11:00, thứ 7, ngày 24/04/2021.

Tại đây, đại hội đã tiến hành thảo luận, các cổ đông đặt câu hỏi tới Đoàn chủ tọa và đã được Đoàn chủ tọa giải đáp cụ thể. Cổ đông tham dự không có ý kiến khác về các nội dung trong chương trình họp và đều nhất trí với kết quả biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của VSD.

D. PHẦN THỨ TƯ - KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI

Căn cứ Báo cáo kết quả bỏ phiếu điện tử chi tiết theo các nội dung bỏ phiếu trên hệ thống V-Vote do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổng hợp, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua các vấn đề với tỷ lệ biểu quyết như sau:

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.118.603	100,00%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	3.600	0,00%

2. Thông qua báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.022.203	99,90%
Không tán thành	100.000	0,10%
Không có ý kiến	0	0,00%

3. Thông qua báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.122.203	100,00%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	0	0,00%

4. Thông qua phương án phân bổ lợi nhuận năm 2020 và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020. Mức chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó đã chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt, 20% còn lại sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 08/04/2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.087.703	99,97%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	34.500	0,03%



5. Thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ dự kiến 30%, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 08/04/2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.087.703	99,97%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	34.500	0,03%

6. Thông qua tổng mức thù lao, chi phí chi trả cho Hội đồng quản trị đã chi trong năm 2020 và mức thù lao dự kiến cho Hội đồng quản trị năm 2021.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	99.228.368	98,13%
Không tán thành	1.889.035	1,87%
Không có ý kiến	4.800	0,00%

7. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	100.863.403	99,74%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	258.800	0,26%

8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.083.703	99,96%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	38.500	0,04%

9. Thông qua chủ trương thành lập Công ty Năng lượng Hà Đô và tái cấu trúc mảng năng lượng.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	99.942.980	98,83%
Không tán thành	1.178.923	1,17%
Không có ý kiến	300	0,00%

10. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng phát hành đợt 1 (được phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020).

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	100.440.691	99,33%
Không tán thành	676.412	0,67%
Không có ý kiến	5.100	0,01%

11. Thông qua việc niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1 (được phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020).

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101,121,003	100,00%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	1,200	0,00%

12. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc niêm yết trái phiếu ra công chúng phát hành (nếu có) giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	101.052.803	99,93%
Không tán thành	0	0,00%
Không có ý kiến	69.400	0,07%

13. Thông qua việc điều chỉnh bổ sung nội dung phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền năm 2019.

Nội dung chi tiết theo tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 02/04/2021

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	100.376.391	99,26%
Không tán thành	676.412	0,67%
Không có ý kiến	69.400	0,07%

14. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị nội dung quyết định việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đơn vị thành viên của Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, những người quản lý khác của Công ty giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Phương án	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành	94.777.228	93,73%
Không tán thành	6.311.275	6,24%
Không có ý kiến	33.700	0,03%

Chi tiết các vấn đề được thông qua theo tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2021 đã đăng tải tại Website: <https://hado.com.vn/> và trên hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

E. PHẦN THỨ NĂM - THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Căn cứ vào kết quả bỏ phiếu điện tử qua hệ thống V-Vote của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô, Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lập và thông qua vào hồi 10h00 ngày 24/04/2021.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Hoàng Văn Bình

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Nguyễn Trọng Thông

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hà Đô;

Căn cứ Biên bản kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô số: 32.../BB-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ngày 24 tháng 04 năm 2021 đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 4. Thông qua phương án phân bổ lợi nhuận năm 2020 và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020.

Mức chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó đã chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt, 20% còn lại sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện.

Điều 5. Thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thực hiện thích hợp.

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ.

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	
			Giá trị	% so với 2020
1	Doanh thu hợp nhất	4.999	4.838	97%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.254	1.254	100%

Điều 6. Thông qua tổng mức thù lao, chi phí chi trả cho Hội đồng quản trị đã chi trong năm 2020 và mức thù lao dự kiến cho Hội đồng quản trị năm 2021.

- Tổng mức thù lao, chi phí chi trả HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT năm 2020: 13,206 tỷ đồng.
- Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí trả HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2021: 3% x LNST hợp nhất thuộc về công ty mẹ năm 2021.

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thông qua chủ trương thành lập Công ty Năng lượng Hà Đô và tái cấu trúc mảng năng lượng.

Điều 10. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng phát hành đợt 1 (được phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020).

Điều 11. Thông qua việc niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1 (được phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020).

Điều 12. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc niêm yết trái phiếu ra công chúng phát hành (nếu có) giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022.

Điều 13. Thông qua việc điều chỉnh bổ sung nội dung phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền năm 2019.

Điều 14. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị nội dung quyết định việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đơn vị thành viên của Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, những người quản lý khác của Công ty giữa hai kỳ Đại hội thường niên 2021 và 2022.

Điều 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2021. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm thi hành các nội dung của Nghị quyết này và thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh tại các nội dung liên quan trong Nghị quyết theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Các nội dung nào của các kỳ họp trước chưa thực hiện xong thì tiếp tục triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và đăng tải trên website của Công ty (www.hado.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Các cổ đông, Website Công ty;
- UBCKNN/Sở GDCK HCM;
- Thành viên HĐQT, Ban ĐH;
- Lưu VT, VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

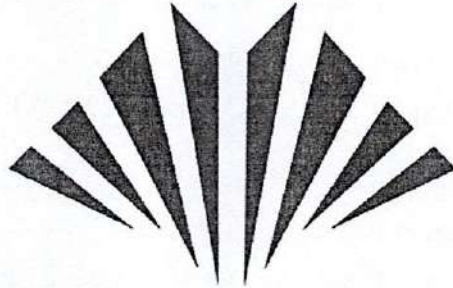
CHỦ TOA ĐẠI HỘI



Nguyễn Trọng Thông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----



HADO GROUP

TỎA SÁNG MUÔN NƠI - VƯƠN TẦM CAO MỚI

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

Điều 1. Định nghĩa 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 5

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty 6

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 6

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 8

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 8

Điều 10. Thu hồi cổ phần 8

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 8

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý 8

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9

Điều 12. Quyền của cổ đông 9

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 10

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền 12

Điều 17. Thay đổi các quyền 13

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 15


Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 17

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	25
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	28
Điều 32. Ủy ban Kiểm toán	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 34. Quản lý và Điều hành, Cán bộ quản lý	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc	29
Điều 36. Thư ký Công ty	31
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	31
Điều 37. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	33
XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	33
Điều 42. Cổ tức	33
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	34
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	34
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 45. Năm tài khóa	34
Điều 46. Chế độ kế toán	34
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	34

Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý:.....	34
Điều 48. Báo cáo thường niên:.....	35
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 49. Kiểm toán	35
XVI. CON DẤU	35
Điều 50. Con dấu.....	35
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	36
Điều 51. Chấm dứt hoạt động.....	36
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	36
Điều 53. Thanh lý.....	36
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	36
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	37
XX. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	37 

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số ... / NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Điều lệ này có hiệu lực toàn văn kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được ghi trong Điều lệ công ty.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. "Cổ đông" có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào mà tên của họ và các thông tin khác mà Pháp luật yêu cầu được nêu trong sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần và Cổ phần của họ đã được thanh toán.
 - f. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn.
 - g. "Công ty con" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn Hà đô sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT và Tổng giám đốc, hoặc có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty đó.
 - h. "Công ty mẹ" là Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô.
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.23 của Luật Doanh nghiệp.
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ

+ Tên giao dịch và viết tắt: HADOGROUP

2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- + Địa chỉ: Số 8 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
- + Điện thoại: 024 38310347, 024 38310348
- + Fax: 04 38355526
- + Website: www.hado.com.vn

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Thời hạn hoạt động của công ty là vô hạn. Tập đoàn có thể thay đổi thời hạn hoạt động bằng một nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 03 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- (1) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- (2) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- (3) Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
- Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của công ty là:

- Đầu tư kinh doanh Bất động sản;
- Môi giới Bất động sản, quản lý Bất động sản, quản lý nhà, kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông thủy lợi, xây lắp điện nước;

2. Mục tiêu hoạt động của công ty là:

- Trở thành Tập đoàn kinh tế hoạt động đa ngành hàng đầu Việt Nam hướng đến một Tập đoàn mang đẳng cấp Quốc tế.
- Tạo và gia tăng lợi nhuận cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.
- Đầu tư và phát triển các sản phẩm bất động sản chất lượng cao phù hợp với nhu cầu khách hàng, với phương châm khách hàng là khởi nguồn cho mọi sáng tạo sản phẩm của Tập đoàn.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và

Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty: 1.542.750.180.000 đồng (*Một nghìn, năm trăm bốn mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 154.275.018 (*một trăm năm mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm mười tám*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (*mười nghìn*) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán-

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu của Công ty do mình sở hữu được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung phù hợp với quy định điều 121 của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (*hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định*) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì liên quan tới việc cấp chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty:

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty:

1. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (*tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo*), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.


3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (*không quá 15% một năm*) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

4. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, trong đó bao gồm Ủy ban kiểm toán; 

d. Ban Tổng Giám đốc;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, Bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết.;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành của công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn.

e. Xem xét, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp công ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của công ty tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và bất kỳ Cổ đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

h. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông(nếu có)

j. Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau

k. Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tập đoàn.

l. Được bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình cụ thể: trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông, Cổ Đông có quyền đề nghị huỷ quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trong trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Tập đoàn thì HĐQT, Tổng giám đốc phải đền bù cho Tập đoàn theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Tập đoàn bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và

m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Yêu cầu HĐQT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch,

số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán nội bộ trực tiếp thực hiện và báo cáo.

c. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại các điều điều 26.4 và 26.5.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, Bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn;

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm

tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. Tổng giám đốc đề xuất tới HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm.

ĐHĐCĐ có thể được tổ chức theo hình thức tham dự trực tiếp, trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp một cách thuận tiện và hiệu quả thông qua gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan,
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3b Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3c Điều 14.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3c Điều 14 có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (*thanh lý*) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các Các hợp đồng quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được

xuất trình cùng với-giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 15.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.


Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4b.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; 

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- f. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm (dịch vụ bưu chính, fax, email, tin nhắn, điện thoại có xác nhận của cổ đông,... trong đó chú trọng phương thức sử dụng email), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 18 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
- d. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Đối với trường hợp Bỏ phiếu điện tử, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành "Quy chế hướng dẫn Bỏ phiếu điện tử" để thông qua các vấn đề của Đại hội.

e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử trong thời gian cho phép và theo hướng dẫn của Đại hội.

Đối với các trường hợp (c), (d), (e), HĐQT sẽ có quy định riêng về cách thức tổ chức, và việc xác nhận tham dự và biểu quyết được coi là hợp lệ nếu không vi phạm các quy định này.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì và là Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra

đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 20, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Người triệu tập đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên, không cho phép tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập Đại hội, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("*Địa điểm chính của đại hội*");
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (*trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác*), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội. Khi được sự chấp thuận của Người triệu tập Đại hội, cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện cổ đông này phải nghe được những gì cổ đông khác có mặt tại Đại hội nói và các cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì cổ đông này nói. Hình thức này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự, cổ đông sẽ tiến hành bỏ phiếu theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin tại Đại hội.

13. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết được thông qua tại ĐHCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về Công ty bằng fax hoặc thư điện tử, trong đó chú trọng sử dụng thư điện tử, nhưng phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bị tẩy sửa, tẩy xoá, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên HĐQT độc lập hoặc Ủy ban kiểm toán hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lập biên bản họp hoặc có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực

thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người tùy thuộc vào quyết định của ĐHCĐ tại mỗi nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Hội đồng quản trị phê duyệt bảng phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành trên cơ sở nội dung công việc phân công đối với Ban điều hành.

4. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Trong trường hợp quyết định thông qua trái với pháp luật hoặc điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cũng phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty, thành viên phản đối thông qua quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm.

5. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược của Công ty, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm và chính sách quản lý rủi ro;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, đề xuất phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của công ty;
 - j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
 - n. Quyết định các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định;
 - o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.
6. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);

d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 50 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị (*không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế*) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

10. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

13. Nhiệm vụ của Thành Viên Hội đồng quản trị:

f. Các thành viên HĐQT được phân công lãnh đạo ở ngành nghề và mảng hoạt động nào phải chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo và thống nhất với các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định kịp thời, hiệu quả đúng theo phân cấp HĐQT – Ban điều hành Công ty CP Tập đoàn Hà Đô, theo đúng sơ đồ và quy trình trình ký văn bản, hồ sơ tài liệu ban hành.

- g. Các thành viên HĐQT chủ động tham dự các buổi họp của các ngành, lĩnh vực phụ trách, dự giao ban tuần, yêu cầu ngành mình phụ trách cung cấp tài liệu và phối hợp hành động hiệu quả. Chủ tịch HĐQT có thể mời hội ý bất kỳ lúc nào và họp Hội đồng Quản trị một cách linh hoạt và theo định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, nếu ngay sau đó là ngày nghỉ thì sang ngày kế theo, giờ họp cụ thể được Văn thư HĐQT thông báo trước đó.
 - h. Các thành viên Hội đồng Quản trị phải sử dụng tối đa công nghệ thông tin để họp trực tuyến, kiểm tra công trình, dự án, quản lý công ty, được cấp các điểm truy cập vào các camera quản lý tại các công trình, dự án của công ty
 - i. Hàng tháng các thành viên HĐQT chuyên trách tham dự họp giao ban tháng với Ban điều hành để nắm bắt các mặt hoạt động sản xuất sinh doanh, lập kế hoạch hành động cá nhân hàng tháng. Kế hoạch tháng được chuyển cho Thư ký HĐQT để the dõi lưu trữ và chuyển cho Chủ tịch HĐQT để được chỉ đạo thực hiện thống nhất trong Công ty CPTĐ Hà Đô và trong Tập đoàn Hà Đô.
 - j. HĐQT Công ty CP Tập đoàn Hà Đô là HĐQT của Tập đoàn Hà Đô có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên trong Tập đoàn. Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực nào thì lãnh đạo lĩnh vực đó dưới góc độ Tập đoàn thông qua Chủ tịch Tập đoàn và HĐQT tại các công ty thành viên đó.
14. Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô tự nguyện:
- k. Không hành động vượt quá quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ của Công ty, thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông. Không được đặt mình vào tình thế làm hạn chế tính khách quan, hạn chế sự chí công vô tư hoặc mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của Công ty.
 - l. Thẩm nhuần tôn chỉ, mục đích của Công ty: “Tư duy khoa học, đoàn kết, đổi mới, hiệu quả vì sự phát triển không ngừng của Công ty và các thành viên, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, tạo được nhiều việc làm cho người lao động”.
 - m. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm đóng góp trí tuệ, thời gian, vào sự phát triển của Công ty; cam kết mọi suy nghĩ, hành động liên quan đến Công ty đều đặt lợi ích của Công ty trước tiên. Trong quá trình hoạt động thực tiễn có những vấn đề chưa thống nhất cần trao đổi bàn bạc thẳng thắn, cởi mở. Khi quyết định đã được đồng thuận đưa ra, tất cả các thành viên HĐQT phải cam kết chấp hành, làm việc với quyết tâm cao nhất.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và các chức danh khác để đảm bảo HĐQT vận hành hiệu quả.
- 2. Chủ tịch hội đồng quản trị có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện theo bản phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch Tập đoàn, có trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Tập đoàn theo quy định và quy chế hoạt động Tập đoàn đã ban hành.
 - b. Chủ tịch hội đồng quản trị đại diện cho Công ty trước cơ quan Nhà nước và những người khác về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong khuôn khổ của Điều lệ này và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- e. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

bu

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của thành viên HĐQT độc lập;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp của Hội đồng quản trị cũng có thể được tiến hành ngay sau khi các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông báo bằng điện thoại, tin nhắn hoặc email và được sự thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị. Xác nhận email là bằng chứng cho sự nhất trí họp HĐQT.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến mức độ lợi hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 38.4a và Điều 38.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập, giải thể, đổi tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị: Ủy ban kiểm toán, Ủy ban tài chính chứng khoán, Ủy ban phát triển năng lượng, Ủy ban quản lý thiết kế (hay Ủy ban kỹ thuật công nghệ), Ủy ban đầu tư kinh doanh và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Những người bên ngoài được mời tham gia các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được ký hợp đồng lao động, được trả lương và nhận thù lao theo chế độ quy định, được tham gia học tập, cập nhật kiến thức.

3. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Việc thực thi các quyết định của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 32. Ủy ban Kiểm toán.

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Ủy ban Kiểm toán có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

b) Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý;

c) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

d) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;

đ) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

e) Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và quy định Pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Quản lý và Điều hành, Cán bộ quản lý

1. Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát. Ban Điều hành Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số Cán bộ quản lý khác, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Ban Điều hành Công ty do Hội đồng quản trị quyết định và theo hình thức giao khoán chi phí quản lý trên cơ sở Phòng Kinh tế kế hoạch trình kế hoạch đầu vào và Phòng Hành chính nhận sự kiểm soát đầu ra.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (Ban Điều hành) và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 (năm) năm hoặc theo hợp đồng lao động trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện theo bảng phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành. Tổng Giám đốc điều hành công ty là Tổng Giám đốc toàn Tập đoàn, có trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc Tập đoàn theo quy định và quy chế hoạt động Tập đoàn đã ban hành.

b. Chịu trách nhiệm soạn thảo quy chế, quy định, quy trình, trình HĐQT phê duyệt để điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của cán bộ từ cấp phó phòng, ban trở xuống nhân viên, công nhân trực tiếp;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

h. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

j. Được ủy quyền hoặc/và ủy quyền lại cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó.

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

l. Được tham dự các buổi họp Hội đồng quản trị (nếu được sự đồng ý của Hội đồng quản trị) nhưng không có quyền bỏ phiếu trừ trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của các Phó Tổng giám đốc

Các Phó Tổng giám đốc được giao phụ trách ngành nào được Người đại diện pháp luật của Công ty ủy quyền ký, đóng dấu, giải quyết toàn diện công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Các Phó Tổng giám đốc hành động và chịu trách nhiệm cá nhân theo trước Ban điều hành và Hội đồng quản trị theo phân cấp, ủy quyền Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Các Phó Tổng giám đốc các ngành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, đào tạo cán bộ kế tiếp và các bộ chuyên môn.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc mới thay thế.

Tổng giám đốc có thể từ chức với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định. Tuy nhiên, việc từ chức này không làm mất trách nhiệm của Tổng giám đốc với các công việc mà Tổng Giám đốc đã giải quyết trước đó.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. Thực hiện công việc, suy nghĩ hành động theo các điều đã ghi trong bản tuyên thệ nhậm chức của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con, công ty liên kết của Công ty.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (*như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành*) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (*từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông*) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực

tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý:

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy

định tại Điều 50 của Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 48. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chọn hoặc giao cho người Đại diện pháp luật của công ty lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với công ty. [Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của công ty là vô hạn theo quy định tại Điều 2.4 Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của công ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để các cổ đông biểu quyết về việc thay đổi Thời hạn hoạt động theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.


Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp 

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Phán quyết của HĐQT buộc các bên phải thi hành, trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp. Phán quyết của chuyên gia là trọng tài, yêu cầu các bên tôn trọng thi hành.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XX chương 56 điều, được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đồ và có hiệu lực toàn văn kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2021.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau được nộp tới các cơ quan chức năng liên quan và được lưu trữ tại Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

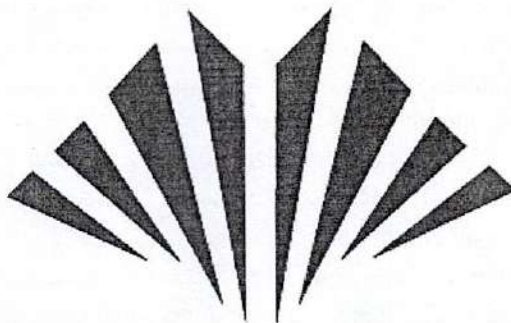
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

to  
Nguyễn Trọng Thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----



HADO GROUP

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ**

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

Điều 1.	Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2.	Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3.	Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....	4
Điều 5.	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 6.	Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 7.	Cách thức bỏ phiếu.....	5
Điều 8.	Cách thức kiểm phiếu.....	6
Điều 9.	Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	6
Điều 10.	Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 11.	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 12.	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 13.	Thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	7
Điều 14.	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị.....	9
Điều 15.	Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị.....	10
Điều 16.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	10
Điều 17.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 18.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	10
Điều 19.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	10
Điều 20.	Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....	11
Điều 21.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị.....	11
Điều 22.	Cách thức biểu quyết.....	11
Điều 23.	Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 24.	Lập biên bản họp.....	12
Điều 25.	Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	12
Điều 26.	Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	12
Điều 27.	Tiêu chuẩn Ban Kiểm toán nội bộ.....	13
Điều 28.	Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm toán nội bộ.....	13
Điều 29.	Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ.....	13
Điều 30.	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ.....	14
Điều 31.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 32.	Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 33.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 34.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	15
Điều 35.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và TGD.....	15
Điều 36.	Ban Tổng Giám đốc.....	15
Điều 37.	Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	16
Điều 38.	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và TGD.....	16
Điều 39.	Cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý khác.....	17
Điều 40.	Khen thưởng.....	17
Điều 41.	Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	17
Điều 42.	Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	18
Điều 43.	Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	18
Điều 44.	Hiệu lực thi hành.....	18

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng căn cứ theo quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (dưới đây gọi là “**Luật Doanh nghiệp**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; à các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “**Luật Chứng khoán**”);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**”);
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (dưới đây gọi là “**Thông tư 116/2020/TT-BTC**”);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô;
- b. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô;
- c. HĐQT: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô;
- d. TGD: Tổng Giám đốc;
- e. Các cán bộ quản lý khác: cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm;
- f. Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô hiện hành;
- g. Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- h. Ban điều hành/Ban Tổng giám đốc: là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc điều hành.
- i. Cán bộ quản lý: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ có thể được tổ chức theo hình thức tham dự trực tiếp, trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp một cách thuận tiện và hiệu quả thông qua gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử Đối với trường hợp Bỏ phiếu điện tử, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành "Quy chế hướng dẫn Bỏ phiếu điện tử" để thông qua các vấn đề của Đại hội.

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang công bố thông tin của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo này được thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường phải được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập Đại hội phải thực hiện:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

f. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm (dịch vụ bưu chính, fax, email, tin nhắn, điện thoại có xác nhận của cổ đông,...), trong đó chú trọng sử dụng email, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, cổ đông, người được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện thủ tục đăng ký dự họp. Việc đăng ký dự họp phải được tiến hành đảm bảo tất cả các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự họp muộn vẫn được đăng ký dự họp và được biểu quyết. Chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:


- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
- d. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử trong thời gian cho phép và theo hướng dẫn của Đại hội.

Đối với các trường hợp (c), (d), (e), HĐQT sẽ có quy định riêng về cách thức tổ chức, và việc xác nhận tham dự và biểu quyết được coi là hợp lệ nếu không vi phạm các quy định này.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu

1. Người đăng ký dự họp được cấp thẻ biểu quyết có ghi số lượng cổ phần sở hữu, số lượng cổ phần được ủy quyền và những nội dung cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. ĐHĐCĐ biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình hoặc theo phương thức khác được ĐHĐCĐ biểu quyết thống nhất.

3. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, hoặc cho phép bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm, máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai. Công ty hướng dẫn cổ đông cụ thể khi áp dụng các hình thức này. 

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin để tiến hành kiểm phiếu.

Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

2. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông


Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trong trường hợp quyết định cả ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lập biên bản họp hoặc có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

4. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của ĐHCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 13. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;


b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; 

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về Công ty bằng fax hoặc thư điện tử nhưng phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bị tẩy sửa, tẩy xoá, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên HĐQT độc lập hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;


d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. 

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III:

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, thành viên HĐQT đều phải đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này. Trong nhiệm kỳ của thành viên HĐQT nếu có sự thay đổi, phát sinh sự kiện khiến cho thành viên đó không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì thành viên đó hoặc thành viên khác hoặc người liên quan biết được phải thông báo với HĐQT để xem xét, đề xuất xử lý bảo đảm tuân thủ quy định về tiêu chuẩn điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên HĐQT được bầu bổ sung, thay thế.

Điều 15. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì ĐHCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - b) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức;
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên

này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp của Hội đồng quản trị cũng có thể được tiến hành ngay sau khi các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông báo bằng điện thoại, tin nhắn hoặc email và được sự thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị. Xác nhận email là bằng chứng cho sự nhất trí họp HĐQT.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 22. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại Khoản 4 điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty (Điều khoản về “Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi”) sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Điều 23. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Điều 24. Lập biên bản họp

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 25. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết của HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy Ban Kiểm toán và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Những

người bên ngoài được mời tham gia các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được ký hợp đồng lao động, được trả lương và nhận thù lao theo chế độ quy định, được tham gia học tập, cập nhật kiến thức.

3. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Việc thực thi các quyết định của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

4. Các hành động thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban HĐQT có thể có sai sót.

5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 27. Tiêu chuẩn Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 28. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm toán nội bộ

- a) Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.
- b) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.

Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.

5. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

6. Các quyền khác được cho phép bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

Điều 30. Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm soạn thảo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, trong đó quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động họp, trách nhiệm báo cáo và các vấn đề khác trình HĐQT phê duyệt.

CHƯƠNG VI:

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 31. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị - Người đại diện theo Pháp luật. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một số Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành và các Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 32. Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là 05 (năm) năm hoặc theo hợp đồng lao động trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành (*trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành*) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 34. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bầu, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được thông báo theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.

**CHƯƠNG VII:
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TGD**

Điều 35. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và TGD.

1. Tại các cuộc họp của HĐQT: Chủ tịch HĐQT xem xét tùy từng nội dung có thể mời Tổng Giám đốc tham dự họp. Tổng Giám đốc được mời tham dự họp có thể tham gia thảo luận nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

2. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và TGD được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Ban Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện theo bảng phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc điều hành công ty là Tổng giám đốc toàn Tập đoàn, có trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc Tập đoàn theo quy định và quy chế hoạt động Tập đoàn đã ban hành.

b. Chịu trách nhiệm soạn thảo quy chế, quy định, quy trình, trình HĐQT phê duyệt để điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

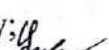
d. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

h. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; 

j. Được uỷ quyền hoặc/và uỷ quyền lại cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước HĐQT về việc uỷ quyền đó.

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

l. Được tham dự các buổi họp Hội đồng quản trị (nếu được sự đồng ý của Hội đồng quản trị) nhưng không có quyền bỏ phiếu trừ trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.

2. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Các Phó Tổng Giám đốc:

Các Phó Tổng giám đốc được giao phụ trách ngành nào được coi là Tổng giám đốc lĩnh vực đó, được Người đại diện pháp luật của Công ty uỷ quyền ký, đóng dấu, giải quyết toàn diện công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Các Phó Tổng giám đốc hành động và chịu trách nhiệm cá nhân theo trước Ban điều hành và Hội đồng Quản trị theo phân cấp uỷ quyền Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

Các Phó Tổng Giám đốc là Tổng Giám đốc các ngành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, đào tạo cán bộ kế tiếp và cán bộ chuyên môn.

Điều 37. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất, khi có yêu cầu của HĐQT, Tổng Giám đốc phải báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

2. Cách thức báo cáo:

- Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp HĐQT;
- Báo cáo bằng văn bản: trường hợp báo cáo bằng văn bản.

Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và TGD

1. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay tới Chủ tịch HĐQT và/hoặc TGD để giải quyết công việc hiệu quả.

3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT được biết.

CHƯƠNG VIII:

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý khác.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt.

2. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên. Kết quả đánh giá lần trước phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.

Điều 40. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo chính sách của Công ty.

1. Đối với các thành viên HĐQT: việc khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty. HĐQT thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo các tiêu chí phân loại, đánh giá được quy định tại Quy chế này và các quy định khác do HĐQT thống nhất ban hành từng thời kỳ.

2. Đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác: các hình thức khen thưởng, trình tự thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo chính sách của Công ty trong từng thời kỳ. Nguồn khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty.

Điều 41. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty tại từng thời điểm.

3. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:

- Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;
- Lạm dụng quyền hành, ra quyết định vượt thẩm quyền gây ra thiệt hại cho Công ty
- Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

4. Các hình thức kỷ luật:

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, hạ cấp bậc chức vụ
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ, nội quy của Công ty và các thỏa thuận trong Hợp đồng Lao động

5. Ngoài ra, các thành viên bị xử lý kỷ luật phải hoàn lại cho Công ty những khoản lợi ích mà thành viên đó được hưởng từ hành vi vi phạm của mình; phải bồi thường thiệt hại cho khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vi phạm của mình.

CHƯƠNG IX:

**LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 42. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.

CHƯƠNG X:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm X Chương 44 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24 tháng 04

năm 2021.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Thông